

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 166/2026/HS-PT  
Ngày: 14 tháng 9 năm 2026

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Chuyên

Các Thẩm phán: Bà Ngô Thị Thanh Hảo

Bà Nguyễn Thị Hương Giang

**- Thư ký phiên tòa:** ông Nguyễn Văn Cường- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:** ông Đinh Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 302/2026/TLPT- HS ngày 29 tháng 7 năm 2026 đối với bị cáo Đỗ Văn L và các bị cáo khác; do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 210/2026/HS-ST ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Bắc Ninh.

**- Bị cáo có kháng cáo:**

1. Đỗ Văn L, sinh ngày 23/12/1988; CCCD 024088019659; Tên gọi khác: không; Nơi thường trú: thôn Đ, xã N, tỉnh Bắc Ninh; Nghề nghiệp: công nhân; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đỗ Văn L1 sinh năm 1963 và bà Nhữ Thị K sinh năm 1965; vợ Vương Thị N và 02 con; Tiền án, tiền sự, nhân thân: không.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 02/12/2025 đến ngày 11/12/2025. Được thay thế biện pháp ngăn chặn, hiện áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/5/2026 đến hết ngày 01/7/2026. (có mặt tại phiên tòa).

2. Trần Văn N1, sinh ngày 23/12/1994; CCCD 024094011990; Tên gọi khác: không; Nơi thường trú: thôn A, xã T, tỉnh Bắc Ninh; Nghề nghiệp: công nhân; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn B sinh năm 1965 và bà Lưu Thị B1 sinh năm 1973; vợ Nguyễn Thị Tiến T và 03 con; Tiền án, tiền sự, nhân thân: không.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 02/12/2025 đến ngày 11/12/2025. Được thay thế biện pháp ngăn chặn, hiện áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/5/2026 đến hết ngày 01/7/2026. (có mặt tại phiên tòa).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* chị Nguyễn Thị Tiến T-sinh năm 1998; Địa chỉ: thôn A, xã T, tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Nguyễn Thị Tiến T:* Luật sư Hoàng Thị Bích L2, Văn phòng L3 - thuộc Đoàn luật sư tỉnh B; địa chỉ: Số 1 đường H, phường B, tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

*Ngoài ra, trong vụ án còn có một số bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có kháng cáo, không bị kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đỗ Văn L, sinh năm 1988, trú tại thôn Đ, xã N, tỉnh Bắc Ninh; Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1990, trú tại tổ dân phố T, phường T, tỉnh Bắc Ninh; Vũ Văn H, sinh năm 1997, trú tại thôn S, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh và Trần Văn N1, sinh năm 1994, trú tại thôn A, xã T, tỉnh Bắc Ninh cùng làm nhân viên của Công ty trách nhiệm hữu hạn V (viết tắt là Công ty V) ở Khu công nghiệp V, thuộc địa phận phường N, tỉnh Bắc Ninh. Khoảng cuối năm 2024, do ảnh hưởng trong quá trình kinh doanh nên Công ty V1 hoạt động và điều chuyển L, D, H, N1 cùng 09 nhân viên khác sang làm bảo vệ đảm bảo an ninh kiểm tra người ra vào trong Công ty và giao L làm tổ trưởng.

Ngày 12/7/2025, L phân công anh Lưu Văn T1, sinh năm 1997, trú tại xã L, tỉnh Bắc Ninh trực đảm bảo an ninh tại xưởng G4 của Công ty V, thời gian từ 20 giờ ngày 12/7/2025 đến 08 giờ ngày 13/7/2025. Khoảng 00 giờ ngày 13/7/2025, anh Lưu Văn T1, đi tuần tra an ninh, phát hiện khu vực xưởng G4 trong Công ty có hai người đàn ông không biết là ai đang mang dây cáp điện trộm cắp ra tường rào để mang ra khỏi Công ty. Anh T1 hô hoán, chạy đuổi theo thì hai người này bỏ lại dây cáp điện rồi bỏ chạy thoát. Anh T1 gọi điện cho anh Zheng Y, sinh năm 1981, quốc tịch Trung Quốc là Giám đốc phụ trách an toàn Công ty V để báo cáo việc Công ty bị trộm cắp dây cáp điện nhưng anh Zheng Y không nghe máy nên anh T1 gọi điện cho Đỗ Văn L báo cáo sự việc. L gọi điện báo anh Phan Thế T2, sinh năm 1988, trú tại tổ dân phố X, phường T, tỉnh Bắc Ninh; anh Bùi Văn T3, sinh năm 1991, trú tại tổ dân phố S, phường T, tỉnh Bắc Ninh; anh Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1989, trú tại thôn H, xã B, tỉnh Bắc Ninh là bảo trực ở xưởng M15; anh Đỗ Văn B2, sinh năm 1987, trú tại tổ dân phố G, phường B, tỉnh Bắc Ninh đang trực bảo vệ tại xưởng G5 của Công ty cùng đến xưởng G4 nơi anh T1 trực. Sau đó, anh T1 cùng các anh T2, T3, Đ, B2 tiến hành kiểm tra phát hiện tại khu vực hàng rào bằng tôn cuối xưởng G4 có 04 đoạn dây cáp điện màu đen và trước cửa xưởng G4.2 cạnh kho liệu có 05 đoạn dây cáp điện màu đen khác nhau đều bị cắt trộm, mỗi đoạn có độ dài khoảng từ 7m/01 đoạn đến 10m/01 đoạn. Sau đó, cả nhóm kéo 04 đoạn dây cáp điện tại khu vực hàng rào bằng tôn cuối xưởng G4 vào trước cửa kho liệu xưởng G4 nhưng không kiểm tra nhãn hiệu dây cáp điện rồi từng người đi về vị trí được phân công trực trước đó.

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 13/7/2025, Nguyễn Ngọc D đến Công ty làm việc, nhận bàn giao ca trực từ anh T1, thì được anh T1 thông tin lại việc phát hiện

mất trộm dây cáp điện, đã thu giữ lại đem để ở vị trí trên. Tiếp đó anh T1 cùng nhóm ca trực đi về. D gọi điện cho Vũ Văn H đến Công ty để kiểm tra hệ thống camera. H và D cùng kiểm tra hệ thống camera trong Công ty thì phát hiện camera bị mất điện, không xem được hình ảnh. Khoảng 08 giờ ngày 13/7/2025, L điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu sơn đen, biển số 98H1- 163.83 đến xưởng G4 gặp D và H rồi cùng đi kiểm tra số dây cáp điện bị cắt trộm. Khi L, D, H kiểm tra thấy tại cửa xưởng G4 cạnh cửa kho liệu có tổng cộng 09 đoạn dây cáp điện, trong đó có: 06 đoạn dây cáp điện có ký hiệu BZR-YJV0,6/1KV-3x120+2x70mm<sup>2</sup> và 03 đoạn dây cáp điện có ký hiệu BZR-YJV0,6/1KV-3x150+2x70mm<sup>2</sup>, mỗi đoạn có độ dài ngắn khoảng từ 7m/01 đoạn đến 10m/01 đoạn, không tiến hành đo kiểm tra, đều là tài sản đã bị cắt trộm trước đó. Lúc này, L rủ D, H cùng nhau cắt trộm một phần dây cáp điện trong số 09 đoạn dây cáp điện trên đem bán lấy tiền chia nhau thì cả hai đồng ý. H sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A53 màu xanh, lắp sim số 039.830.9894 gọi điện cho anh Dương Đức H1, sinh năm 1986, trú tại tổ dân phố R, phường T, tỉnh Bắc Ninh, đang làm việc tại Công ty D2 ở Khu công nghiệp V hỏi mượn kìm cắt dây cáp điện nhưng không nói cho biết dùng cắt trộm dây cáp điện, anh H1 đồng ý. H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Airblade màu sơn đen trắng, biển số 98B3-357.34 đến cổng Công ty D3 gặp anh H1 mượn 01 kìm cầm tay bằng kim loại dài 85cm, có lưỡi cắt hình chữ C, tay nắm bọc nhựa màu đen rồi đem về xưởng G4. Khi về đến xưởng G4, H lấy kìm vừa mượn được và 01 con dao dọc giấy màu xanh của H để trong cốp xe từ trước đưa cho L và D. Tiếp đó, D dùng kìm cắt trộm đầu dây của các đoạn dây cáp điện nêu trên thành từng đoạn nhỏ có chiều dài khoảng 30-40cm để L dùng dao tách bỏ vỏ nhựa màu đen, chỉ để lại vỏ nhựa màu trắng bọc lõi đồng đưa cho H cắt giấu vào trong cốp xe mô tô của H và cốp xe mô tô của L. Sau khi cắt trộm dây cáp điện để đầy hai cốp xe mô tô thì Hoàng gom các vỏ nhựa màu đen tách ra từ dây cáp cho vào thùng cát tông có sẵn ở xưởng để D điều khiển xe mô tô đem vứt bỏ tại xưởng M02 của Công ty. Sau đó, H mang kìm trả lại cho anh H1 rồi quay lại Công ty tiếp tục thực hiện ca trực. L điều khiển xe mô tô biển số 98H1- 163.83, D điều khiển xe mô tô biển số 98B3- 357.34 bên trong đục lỗ đồng của đoạn dây cáp điện vừa trộm cắp đi đến cửa hàng thu mua phế liệu của chị Đinh Thị Thu T4, sinh năm 1995, ở tổ dân phố N, phường T, tỉnh Bắc Ninh để bán. Tại đây, L, Dương bỏ toàn bộ số lõi đồng của dây cáp điện để trong hai cốp xe mô tô ra để bán cho chị T4 nhưng không nói cho biết là tài sản trộm cắp. L và chị T4 thỏa thuận giá mua bán là 230.000 đồng/kg. Chị T4 cùng L, Dương cân toàn bộ số lõi đồng của dây cáp điện đem bán được tổng 42,6kg, chị T4 kiểm tra trên lõi đồng vẫn còn vỏ bọc nhựa màu trắng nên yêu cầu trừ 8% trên tổng trọng lượng tương đương 3,4kg, còn lại 39,2kg lõi đồng được số tiền 9.016.000 đồng. Cả ba thống nhất, chị T4 làm tròn và trả cho L số tiền 9.000.000 đồng tiền mặt. L cầm tiền rồi cùng D đi về Công ty gặp H. Sau đó cả ba chia đều số tiền bán tài sản trộm cắp cho mỗi người 3.000.000 đồng.

Khoảng 12 giờ cùng ngày 13/7/2025, trong lúc L, D và H ngồi ăn cơm trưa tại Công ty V; L tiếp tục rủ D và H trộm cắp thêm dây cáp điện của 09 đoạn dây cáp điện nêu trên đem bán, cả hai đồng ý. L biết Trần Văn N1 có máy cắt kim loại bằng pin nên dùng điện thoại nhãn hiệu Poco M5 màu xanh đen của L gọi điện rủ N1

mang theo máy cắt đến Công ty V cùng tham gia trộm cắp dây cáp điện thì N1 đồng ý. Khoảng 13 giờ cùng ngày 13/7/2025, N1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Grande màu sơn trắng biển số 98B3- 029.29 (mượn trước đó của chị Trần Thị H2, sinh năm 1997, trú tại thôn A, xã T, tỉnh Bắc Ninh) mang theo máy cắt kim loại bằng pin đi đến Công ty V gặp L, D, H. Sau đó, H đi ra khu vực công trực để cảnh giới, còn L, N1, D cùng đi đến vị trí để 09 đoạn cáp điện trên ở xưởng G để tiếp tục trộm cắp. Lúc này, N1 dùng máy cắt, cắt trộm một phần các đầu dây cáp điện thành các đoạn ngắn từ 30cm đến 40 cm, còn L và Dương nhặt các đoạn dây cáp điện đã cắt cho vào trong cốp xe mô tô biển số 98B3- 029.29 của N1. Khi đầy cốp xe, N1 điều khiển xe mô tô biển số 98B3- 029.29 mang các đoạn dây cáp điện trộm cắp về nhà N1 thuê trọ tại tổ dân phố M, phường N, tỉnh Bắc Ninh cất giấu. Tiếp đó, N1 điều khiển xe quay lại Công ty V để trộm cắp tài sản. Trong lúc Nam mang các đoạn dây cáp điện về thì L và D tiếp tục dùng máy cắt, cắt trộm một đầu của đoạn dây cáp điện nêu trên cất giấu vào cốp xe mô tô biển số 98B3- 357.34 của H và cốp xe mô tô biển số 98H1-163.83 của L. Khi N1 điều khiển xe mô tô biển số 98B3- 029.29 quay lại thì tiếp tục nhặt đoạn cáp điện cắt trộm cho vào trong cốp xe. Khi đầy cả ba cốp xe mô tô, N1, D, L điều khiển xe mô tô mang số đoạn dây cáp điện trộm cắp được cùng máy cắt về phòng trọ của N1 tại tổ dân phố M. Tại đây, L, D, N1 bỏ các đoạn dây cáp điện ra sàn nhà rồi N1 sử dụng 01 con dao dọc giấy có sẵn trong nhà cùng L, Dương T5 bỏ vỏ nhựa màu đen, chỉ để lại vỏ nhựa màu trắng bọc lõi đồng rồi cho vào 01 bao tải để đem bán. Số vỏ nhựa màu đen N1 cho vào 01 bao tải khác. Tiếp đó, cả ba để hai bao tải trên vào cốp xe ô tô nhãn hiệu Ford Territory màu trắng, biển số 98A- 651.46 của N1. N1 điều khiển xe ô tô biển số 98A- 651.46 chở L và D cùng số bao tải đựng lõi đồng, vỏ dây cáp điện đến cửa hàng thu mua phế liệu của chị Đinh Thị Thu T4 để bán. Tại đây, L đứng ra thỏa thuận bán toàn bộ số lõi đồng của dây cáp điện nêu trên cho chị T4 với giá 230.000 đồng/kg và cũng không nói cho biết là tài sản trộm cắp. Sau khi cân toàn bộ số lõi đồng đem bán được tổng 142,5kg, chị T4 trừ khối lượng vỏ nhựa màu trắng là 11,4 kg (tương đương 8% trên tổng trọng lượng) còn lại 131,1kg được số tiền 30.153.000 đồng. Chị T4 thỏa thuận trả L số tiền 30.140.000 đồng, L đồng ý. Do không có đủ tiền mặt nên chị T4 gọi điện và đọc số tài khoản ngân hàng của N1 cho anh Đoàn Văn D1, sinh năm 1993, là chồng chị T4 để chuyển khoản trả tiền. Anh D1 sử dụng tài khoản ngân hàng B3 số 4860941377 của anh D1 chuyển khoản số tiền 30.140.000 đồng đến tài khoản ngân hàng V2 số 109943888999 của N1. Đối với bao đựng vỏ nhựa dây cáp điện do không bán được nên N1 vứt bỏ tại khu vực bãi đất trống gần cửa hàng của chị T4. Nhận được tiền, L, N1, D thống nhất chia cho N1 số tiền 8.140.000 đồng, L, D mỗi người được 8.000.000 đồng, còn H được 6.000.000 đồng. N1 đổi tiền tài khoản lấy tiền mặt rồi đưa cho L 22.000.000 đồng. L lấy 8.000.000 đồng, đưa cho D 14.000.000 đồng để chia cho H một phần như nêu trên. N1 điều khiển xe ô tô chở L và D về nhà N1 lấy xe mô tô quay lại Công ty làm việc. Khi về đến Công ty, D chia cho H số tiền 3.000.000 đồng và lấy 11.000.000 đồng.

Khoảng 16 giờ cùng ngày 13/7/2025, L nhắn tin cho anh Zheng Y1 thông báo về việc phát hiện bị mất trộm dây cáp điện. Sáng ngày 14/7/2025, anh Zheng Y1 đến xưởng G4 xem xét thì phát hiện 09 đoạn dây cáp điện bị cắt trộm nêu trên. Anh

Zheng Y1 bảo anh Nguyễn Quốc K1, sinh năm 1992, trú tại thôn C, xã T, tỉnh Lạng Sơn là nhân viên trông coi kho nguyên liệu ở xưởng G5 lái xe nâng chở toàn bộ số dây cáp điện cắt vào phòng máy động lực xưởng G5 nhưng không đo lại chiều dài từng dây.

Ngày 29/11/2025, Công ty V tiến hành kiểm tra phát hiện bị mất trộm nhiều đoạn dây cáp điện của hai loại dây cáp nêu trên lắp tại máng giữa xưởng G3 và G4 có tổng chiều dài khoảng 273m nên đã trình báo Cơ quan điều tra Công an tỉnh B và giao nộp 09 đoạn dây cáp điện còn lại nêu trên gồm: 06 đoạn dây cáp điện có ký hiệu BZR-YJV0,6/1KV-3x120+2x70mm<sup>2</sup> có kích thước lần lượt là: 2,6m, 2,4m, 3,0m, 3,1m, 3,9m, 4,1m và 03 đoạn dây cáp điện có ký hiệu BZR-YJV0,6/1KV-3x150+2x70mm<sup>2</sup> có kích thước lần lượt là: 2,5m, 4,5m, 4,4m (ký hiệu từ A1 đến A9) phục vụ công tác điều tra.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B tiến hành khám nghiệm hiện trường vụ trộm cắp dây cáp điện xảy ra tại Công ty V; kết quả phát hiện Công ty bị mất trộm dây cáp điện như nêu trên và thu giữ tại vị trí xưởng M02 trong Công ty: 01 thùng cát tông có kích thước (40x40x25) cm; 01 đoạn vỏ dây nhựa màu đen dạng vỏ dây cáp điện trên vỏ dây có ký hiệu ZR-YJV, 0,6/1Kv, 3x120+2x70mm<sup>2</sup>.

Ngày 01/12/2025, Đỗ Văn L, Nguyễn Ngọc D, Vũ Văn H, Trần Văn N1 đầu thú, khai nhận với Cơ quan điều tra về hành vi trộm cắp một phần của các đoạn dây cáp điện thu giữ của người khác trộm cắp nêu trên. Quá trình đầu thú, L giao nộp: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu sơn đen, biển số 98H1-163.83, 01 điện thoại nhãn hiệu Poco M5 lắp sim 1 có số 0943.162.506, sim 2 có số 0345.468.604; D giao nộp: 01 điện thoại nhãn hiệu iPhone 14 Promax màu tím, lắp sim số 0858.294.516; H giao nộp: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu sơn đen trắng, biển số 98B3- 357.34, 01 điện thoại di động Oppo A53 màu xanh, lắp sim số 0398.309.894 và 01 con dao loại dao dọc giấy màu xanh; Nam giao nộp: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Grande màu sơn trắng, biển số 98B3- 029.29, 01 điện thoại nhãn hiệu iPhone 14 Promax màu đen, lắp sim số 0394.403.999. Cơ quan điều tra kiểm tra điện thoại di động thu giữ; kết quả trong điện thoại của L, H, N1 có thông tin liên quan đến việc gọi điện để thực hiện hành vi phạm tội, ngoài ra trong điện thoại của N1 có ứng dụng ngân hàng V2 có đăng nhập tài khoản số 109943888999 đăng ký mang tên Trần Văn N1, tại lịch sử giao dịch có thể hiện việc nhận tiền tài khoản ngân hàng của anh D1 như nêu trên.

Ngày 09/12/2025, Cơ quan điều tra tạm giữ: 01 xe ô tô nhãn hiệu Ford Territory màu sơn trắng, biển kiểm soát 98A- 654.46 đăng ký mang tên N1 do chị Nguyễn Thị Tiến T, sinh năm 1998 là vợ N1 giao nộp và 01 chiếc kìm màu cam dài 85cm, loại có lưỡi cắt hình chữ C, hai tay cầm bằng kim loại, tay nắm bọc vỏ nhựa màu đen (ký hiệu A22) do anh Dương Đức H1 giao nộp.

Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Đỗ Văn L, Nguyễn Ngọc D, Trần Văn N1, Vũ Văn H, kết quả: không phát hiện, thu giữ đồ vật, tài liệu gì. Cơ quan điều tra khám xét khẩn cấp nơi ở của chị Đinh Thị Thu T4, kết quả thu giữ: 01 cân đồng hồ nhãn hiệu Nhon Hòa màu xanh loại cân 100kg (đã qua sử dụng) trên bề mặt cân có nhiều vết xước, bẩn; 01 thau nhựa màu xanh da trời đã qua sử

dụng, chiều cao 20cm, đường kính ngoài miệng thau 55,5cm, dưới phần đáy thau có nhiều vết nứt, lòng bên trong và mặt ngoài của thau bám nhiều vết bụi bẩn là đồ vật dùng vào cân lõi đồng khi mua của nhóm L.

Cơ quan điều tra tiến hành cho chỉ T4 và L, N1, D, H nhận dạng lẫn nhau; kết quả: cả 04 bị cáo nhận dạng ra nhau là người cùng trộm cắp tài sản; L, D, N1 và chỉ T4 nhận dạng ra nhau là người mua, bán lõi đồng dây cáp điện vào ngày 13/7/2025 như nêu trên. Cơ quan điều tra tiến hành cho L, H, D, Nam nhận dạng qua bản ảnh dây cáp điện đã trộm cắp trong đó có bản ảnh dây cáp điện Công ty V giao nộp, kết quả: cả bốn bị cáo đều nhận ra và xác định dây cáp điện Công ty giao nộp chính là dây cáp điện đã bị các bị cáo cắt trộm một phần vào ngày 13/7/2025, nhưng không xác định được số lượng cắt trộm của từng dây.

Tại bản Kết luận giám định số 750/KL-KTHS ngày 11/02/2026 của Phòng K2 Công an tỉnh B giám định, kết luận: Dấu vết cắt trên các đoạn dây cáp điện gửi giám định được hình thành bởi tác động lực cơ học (không có dấu vết hàn cắt bằng tác động nhiệt), có đặc điểm giống với đặc điểm của vết cắt hình thành bởi kìm cắt. Chiếc kìm gửi giám định (ký hiệu A22) có thể cắt đứt được 09 đoạn dây cáp điện (ký hiệu từ A1 đến A) gửi giám định. Dây cáp điện loại BZR-YV0,6/1KV-3x150+2x70mm<sup>2</sup> và dây cáp điện loại BZR-YV0,6/1KV-3x120+2x70mm<sup>2</sup> gửi giám định cấu tạo bởi phần lõi kim loại và các lớp vỏ bọc. Không đủ cơ sở xác định thành phần vật liệu các lớp vỏ bọc của dây cáp điện loại BZR-YV0,6/1KV-3x150+2x70mm<sup>2</sup> và dây cáp điện loại BZR-YV0,6/1KV-3x120+2x70mm<sup>2</sup> gửi giám định. Phần lõi kim loại của dây cáp điện loại BZR-YV0,6/1KV-3x150+2x70mm<sup>2</sup> và dây cáp điện loại BZR-YV0,6/1KV-3x120+2x70mm<sup>2</sup> gửi giám định là kim loại đồng (ký hiệu hoá học: Cu). Hàm lượng Cu là 97,3%. 01m (một mét) dây cáp điện loại BZR-YV0,6/1KV-3x150+2x70mm<sup>2</sup> có khối lượng 06kg (sáu kilôgam) gồm: 05kg lõi đồng và 01 kg các lớp vỏ bọc. 01m (một mét) dây cáp điện loại BZR-YV0,6/1KV-3x120+2x70mm<sup>2</sup> có khối lượng 4,5kg (bốn phẩy năm kilôgam) gồm 4,25kg lõi đồng và 0,25kg các lớp vỏ bọc.

Tại Công văn số 378/KTHS ngày 09/4/2026 của Phòng K2 Công an tỉnh B thể hiện: 01m (một mét) dây cáp điện loại BZR-YV0,6/1KV-3x150+2x70mm<sup>2</sup> có 0,2565kg vỏ nhựa màu trắng bọc trực tiếp vào lõi đồng; 01m (một mét) dây cáp điện loại BZR-YV0,6/1KV-3x120+2x70mm<sup>2</sup> có 0,2186kg vỏ nhựa màu trắng bọc trực tiếp vào lõi đồng.

Tại Biên bản kiểm tra số 386/KT-TĐC ngày 10/3/2026 của Trung tâm Khoa học, Công nghệ và chuyển đổi số tỉnh B, Sở Công nghệ tỉnh B kết luận: Chiếc cân đồng hồ lò xo màu xanh, nhãn hiệu Nhon Hoà, loại 100kg (cân sử dụng để thu mua các đoạn dây cáp điện đã thu giữ) kiểm tra đo lường đạt.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 38/KL-HĐĐGTS ngày 10/12/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự phường N, tỉnh Bắc Ninh kết luận: 01 kg phế liệu kim loại đồng đỏ tại thời điểm định giá ngày 13/7/2025 có giá 230.000 đồng; 39,2 kg phế liệu kim loại đồng đỏ tại thời điểm định giá ngày 13/7/2025 có giá 9.016.000 đồng; 131,1 kg phế liệu kim loại đồng đỏ tại thời điểm định giá ngày 13/7/2025 có giá 30.153.000 đồng.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 33/KL-HĐĐGTS ngày 06/4/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự phường N, tỉnh Bắc Ninh kết luận trị giá tài sản tại thời điểm bị chiếm đoạt: đối với dây cáp điện loại BZR-YJV0,6/1KV-3x150+2x70mm<sup>2</sup>: 1m dây cáp điện có trị giá 1.216.000 đồng; đối với dây cáp điện loại BZR-YJV0,6/1KV-3x120+2x70mm<sup>2</sup>: 1m dây cáp điện có trị giá 1.022.000 đồng.

Quá trình điều tra, bị hại, nhân chứng và các bị cáo không xác định được chiều dài cụ thể của từng đoạn cáp dây điện trước khi các bị cáo cắt trộm một phần, đồng thời không có chứng cứ nào khác. Các bị cáo cũng không nhớ trong mỗi lần trộm cắt mỗi loại dây được kích thước bao nhiêu. Vị trí ban đầu của các dây cáp điện đã bị đối tượng khác trộm cắp, không biết đã mang ra khỏi Công ty bao nhiêu mét. Căn cứ vào lời khai của các bị cáo, lời khai của người mua lỗi đồng dây cáp điện, kết quả giám định, kết quả điều tra có được và thực hiện nguyên tắc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo nên lấy giá trị tài sản của dây cáp điện loại BZR-YJV0,6/1KV-3x120+2x70mm<sup>2</sup> để truy cứu trách nhiệm hình sự. Theo đó: Lần trộm cắp thứ nhất các bị cáo bán được 42,6kg lõi đồng có bọc vỏ nhựa màu trắng, nên xác định số mét dây cáp điện trộm cắp là 42,6kg: 4,4686kg = 9,533m; trị giá của 9,533m dây cáp điện là 9.742.726 đồng. Lần trộm cắp thứ hai các bị cáo bán được 142,5kg lõi đồng có bọc vỏ nhựa màu trắng, nên xác định số mét dây cáp điện trộm cắp là 142,5kg: 4,4686kg = 31,889m; trị giá của 31,889m dây cáp điện là 32.590.558 đồng.

**Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 210/2026/HS-ST ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Bắc Ninh đã tuyên xử:**

1. Về trách nhiệm hình sự

1.1 Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn L 01 năm (*một năm*) 09 tháng (*chín tháng*) tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 02/12/2025 đến ngày 11/12/2025.

...

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung công: 01 xe ô tô biển kiểm soát 98A-651.46. Loại xe: Ô tô con. Nhãn hiệu FORD. Số loại: TERRITORY. Màu sơn: Trắng. Số máy P4G035491. Số khung RL05DYD7MPJR56638. Dung tích xi lanh: 1500.0cm<sup>3</sup>. Năm sản xuất 2023 thu giữ của Trần Văn N1...

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về hình phạt đối với các bị cáo khác, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng khác, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

- Ngày 25/6/2026, bị cáo Đỗ Văn L có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo.

- Ngày 02/7/2026, bị cáo Trần Văn N1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Tiến T kháng cáo đề nghị được trả lại xe ô tô biển kiểm soát

98A-651.46. Loại xe: Ô tô con. Nhãn hiệu FORD. Số loại: TERRITORY. Màu sơn: Trắng. Số máy P4G035491. Số khung RL05DYD7MPJR56638. Dung tích xi lanh: 1500.0cm<sup>3</sup>. Năm sản xuất 2023 thu giữ của Trần Văn N1 do đây là tài sản chung của vợ chồng, chị Nguyễn Thị Tiến T không biết việc bị cáo N1 dùng tài sản trên để đem tài sản trộm cắp được đi tiêu thụ.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- Bị cáo Đỗ Văn L trình bày: Bản án sơ thẩm tuyên xử đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan sai. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã tự nguyện nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng và ủng hộ quỹ đền ơn đáp nghĩa tại UBND xã N, tỉnh Bắc Ninh 3.000.000 đồng. Bị cáo giữ nguyên kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng án treo.

- Bị cáo Trần Văn N1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Tiến T giữ nguyên kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét tuyên trả cho chị T ½ giá trị chiếc xe ô tô biển kiểm soát 98A-651.46. Loại xe: Ô tô con. Nhãn hiệu FORD. Số loại: TERRITORY. Màu sơn: Trắng. Số máy P4G035491. Số khung RL05DYD7MPJR56638. Dung tích xi lanh: 1500.0cm<sup>3</sup> vì xác định chiếc xe là tài sản chung của vợ chồng, chị T không biết việc bị cáo N1 dùng chiếc xe để chở tài sản trộm cắp được đi tiêu thụ.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Nguyễn Thị Tiến T là luật sư Hoàng Thị Bích L2 trình bày bản luận cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo N1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị T, sửa bản án sơ thẩm theo hướng tuyên trả cho chị T ½ giá trị chiếc xe ô tô biển kiểm soát 98A-651.46. Loại xe: Ô tô con. Nhãn hiệu FORD. Số loại: TERRITORY. Màu sơn: Trắng. Số máy P4G035491. Số khung RL05DYD7MPJR56638. Dung tích xi lanh: 1500.0cm<sup>3</sup> vì xác định chiếc xe là tài sản chung của vợ chồng, chị T không biết việc bị cáo N1 dùng chiếc xe để chở tài sản trộm cắp được đi tiêu thụ.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:*

Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo nộp trong thời hạn luật định nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết yêu cầu kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung: từ hành vi của các bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo L về tội “*Trộm cắp tài sản*” và xử phạt bị cáo 01 năm 09 tháng tù là có căn cứ, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và phù hợp với nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được áp dụng. Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo thì thấy: bị cáo L có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên nhưng các lần phạm tội đều là tội phạm ít nghiêm trọng; tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo nộp thêm các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, đủ điều kiện để bị cáo được hưởng án treo theo hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo.

Đối với kháng cáo của bị cáo N1 và chị Nguyễn Thị Tiến T liên quan đến xử lý vật chứng là chiếc xe ô tô mà bị cáo N1 sử dụng để chở tài sản bị cáo trộm cắp được đem đi tẩu tán thì thấy tài sản trên đúng là tài sản chung của vợ chồng; tuy nhiên chiếc xe là công cụ, phương tiện phạm tội nên Tòa án cấp sơ thẩm tịch thu sung công đối với chiếc xe trên là đúng; kháng cáo của bị cáo N1 và chị T là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo liên quan đến xử lý vật chứng trên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] *Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào lời khai nhận của bị cáo trong quá trình điều tra vụ án, lời khai tại phiên tòa, quá trình tranh tụng và những chứng cứ đã thu thập được, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:*

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: đơn kháng cáo của các bị cáo Đỗ Văn L, Trần Văn N1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Nguyễn Thị Tiến T còn trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm quy định tại Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Nội dung vụ án:

Xét hành vi của bị cáo thì thấy: tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo L thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm đã nhận định là đúng, không oan sai. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của những bị cáo khác, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vật chứng thu giữ được, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 00 giờ ngày 13/7/2025, Công ty trách nhiệm hữu hạn V thuộc Khu công nghiệp V, phường N, tỉnh Bắc Ninh bị một số đối tượng chưa xác định được là ai có hành vi cắt trộm dây cáp điện. Sau đó, Công ty đã thu giữ lại được 06 đoạn dây cáp điện có ký hiệu BZR-YJV0,6/1KV-3x120+2x70mm<sup>2</sup> và 03 đoạn dây cáp điện có ký hiệu BZR-YJV0,6/1KV-3x150+2x70mm<sup>2</sup> do đối tượng trộm cắp bỏ lại rồi đem để ở khu vực xưởng G4 nhưng không kiểm tra chiều dài và không giao cho ai quản lý. Lúc này, Đỗ Văn L, Nguyễn Ngọc D, Vũ Văn H, Trần Văn N1 đều là nhân viên được phân làm bảo vệ an ninh Công ty, có trách nhiệm bảo quản tài sản công ty; nhưng khi thấy các đoạn dây cáp điện được thu giữ lại, các bị cáo không thực hiện nhiệm vụ của mình mà lại cùng nhau thực hiện 02 lần trộm cắp một phần các dây cáp điện nêu trên, rồi bóc vỏ lấy lõi đồng đem bán. Kết quả điều tra chỉ xác định các bị cáo trộm cắp một phần của 09 đoạn dây cáp điện nêu trên, không xác định được chiều dài cụ thể của các đoạn dây điện các bị cáo trộm cắp được nên chỉ có thể lấy kết quả định giá của dây cáp điện loại BZR-YJV0,6/1KV-3x120+2x70mm<sup>2</sup> để thực hiện nguyên tắc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, theo đó:

Lần thứ nhất: buổi sáng ngày 13/7/2025, L, H, D cùng nhau trộm cắp được 42,6kg lõi đồng có bọc vỏ nhựa màu trắng của đoạn dây cáp điện, xác định số mét dây cáp điện trộm cắp là 9,533m có trị giá 9.742.726 đồng, rồi đem bán cho chị Đinh Thị Thu T4 được số tiền 9.000.000 đồng.

Lần thứ hai: buổi chiều ngày 13/7/2025, L, H, D, N1 cùng nhau trộm cắp được 142,5kg lõi đồng có bọc vỏ nhựa màu trắng của đoạn dây cáp điện, xác định số mét dây cáp điện trộm cắp là 31,889m có trị giá 32.590.558 đồng, rồi đem bán cho chị Đinh Thị Thu T4 được số tiền 30.140.000 đồng.

Các bị cáo, trong đó có bị cáo L là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Chỉ vì lòng tham nổi lên trong phút chốc mà các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự an ninh, xã hội tại địa phương, đủ căn cứ cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Đỗ Văn L:

Đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn. Bị cáo L không có chủ đích từ đầu mà chỉ khi thấy tài sản của công ty bị trộm đã lấy lại được nhưng không có ai quản lý, bị cáo mới nảy sinh ý định rồi rủ các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo L cũng như các bị cáo khác là bộc phát, không có tính chất chuyên nghiệp, cũng không phân công nhiệm vụ rõ ràng cho từng thành viên.

Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào nhân thân của bị cáo, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; từ đó xử phạt bị cáo Đỗ Văn L 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo đã nộp thêm các tình tiết giảm nhẹ mới là bị cáo đã ủng hộ quỹ đền ơn đáp nghĩa của xã, cũng như tự nguyện nộp án phí hình sự sơ thẩm. Xác định đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xét bị cáo là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; bị cáo đã tự ra đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khắc phục hết hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra, lại có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù cũng không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu trong cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm mà cho bị cáo hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự cũng đủ để bị cáo lấy đó làm bài học tu dưỡng, rèn luyện bản thân trở thành người có ích cho gia đình và xã hội cũng như thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo L là có căn cứ nên được chấp nhận; cần sửa một phần bản án sơ thẩm về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Trần Văn N1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Tiến T:

Đối với 01 xe ô tô con màu trắng nhãn hiệu Ford Territory biên kiểm soát 98A-651.46 sản xuất năm 2023 thu giữ của Trần Văn N1 là phương tiện liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội của các bị cáo. Cụ thể, các bị cáo sau khi tập kết tài sản trộm cắp được tại phòng trọ của N1 đã dùng xe ô tô trên, chở tài sản phạm tội

đến cửa hàng thu mua phế liệu để bán. Xác định đây là công cụ, phương tiện được các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, cần tịch thu sung công tài sản trên. Trần Văn N1 và chị Nguyễn Thị Tiến T kháng cáo cho rằng chiếc xe ô tô trên là tài sản chung của hai vợ chồng, việc N1 dùng chiếc xe trên để chở tài sản trộm cắp được đem đi tiêu thụ chị T không được biết nên đề nghị chỉ tịch thu sung công  $\frac{1}{2}$  giá trị chiếc xe, trả lại cho chị Nguyễn Thị Tiến T  $\frac{1}{2}$  giá trị chiếc xe ô tô là không phù hợp. Nếu sau này chị T có yêu cầu có thể khởi kiện Trần Văn N1 bằng một vụ án chia tài sản chung khác theo quy định của pháp luật. Do kháng cáo của Trần Văn N1 và chị Nguyễn Thị Tiến T và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị T (Luật sư Hoàng Thị Bích L2) là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận; cần giữ nguyên phần này của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[5] Về án phí: do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định; bị cáo Trần Văn N1 và chị Nguyễn Thị Tiến T không phải chịu.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ Luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đỗ Văn L; Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn N1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Nguyễn Thị Tiến T; sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 210/2026/HS-ST ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Bắc Ninh về trách nhiệm hình sự.

*Tuyên xử:*

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn L 01 năm (một) năm 09 tháng (chín) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 42 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Đỗ Văn L cho Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Bắc Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì việc thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

**2.** Về xử lý vật chứng: căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tịch thu sung công: 01 xe ô tô biển kiểm soát 98A-651.46. Loại xe: Ô tô con. Nhãn hiệu FORD. Số loại: TERRITORY. Màu sơn: Trắng. Số máy P4G035491. Số khung RL05DYD7MPJR56638. Dung tích xi lanh: 1500.0cm<sup>3</sup>. Năm sản xuất 2023 thu giữ của Trần Văn N1.

**3.** Về án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Đỗ Văn L, bị cáo Trần Văn N1 và chị Nguyễn Thị Tiên T không phải chịu.

**4.** Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hương Giang    Ngô Thị Thanh Hảo**

**Phạm Thị Chuyên**